

THÔN ĐÔNG TÂY XUÂN

BIỂU THỐNG KÊ THIẾT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BÃO SỐ 5

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trần Thị Tâm	1400	333	1.566.500
2	Nguyễn Thị Liễu	834	333	1.000.500
3	Trần Văn Phụng	1933	433	2.149.500
4	Lê Hồng Ý	984	333	1.150.500
5	Nguyễn Văn Tiến	1333	400	1.533.000
6	Lê Xuân Hương	2000	333	2.166.500
7	Lê Xuân Thường	1400	333	1.566.500
8	Nguyễn văn Triển	1300	500	1.550.000
9	Nguyễn Xuân Tụy	1683	500	1.933.000
10	Lê Hồng Học	1367	400	1.567.000

11	Trương Ngọc Cừ	1267		1.267.000
12	Trương Thị Phiu	1467	433	1.683.500
13	Phan Thị Cúc	1267	433	1.483.500
14	Đặng văn Phương	1300	433	1.516.500
15	Nguyễn Xuân Anh	1550	500	1.800.000
16	Viên Thị Bích	800		800.000
17	Trương Thị Hương	1600	500	1.850.000
18	Nguyễn văn Tân	867	433	1.083.500
19	Nguyễn Văn Hồng	1300	433	1.516.500
20	Đặng Văn Bách	967	333	1.133.500
21	Đặng văn Điền	2100	500	2.350.000
22	Nguyễn Thị Loan	600	266	733.000
23	Trương Ngọc Tiến	1634	433	1.850.500
24	Nguyễn Thị Diễm	900		900.000

25	Trương Ngọc Lam	1000	266	1.133.000
26	Nguyễn Cao Sơn	967	333	1.133.500
27	Trịnh Thị Liên	1300		1.300.000
28	Nguyễn Văn xinh	967	333	1.133.500
29	Hoàng Văn Dũng	2834	666	3.167.000
30	Nguyễn Thị Thủy(Xuân)	833	467	1.066.500
31	Lê Hồng Khoa	1233	500	1.483.000
32	Nguyễn Ngọc Mỹ	2766	600	3.066.000
33	Nguyễn Thị San	1667	500	1.917.000
34	Trương Ngọc Phương	1300	433	1.516.500
35	Nguyễn Thị Đảm	716	200	816.000
36	Nguyễn văn Ngọ	1900	433	2.116.500
37	Lê Văn Quân	933		933.000
38	Lê Xuân Thành	951	266	1.084.000

39	Hoàng Đình Kỷ	1567	266	1.700.000
40	Lê Xuân Hùng	1767	433	1.983.500
41	Trần Thị Thanh(Tâm)	733		733.000
42	Nguyễn Thị Kham	634	233	750.500
43	Trương Ngọc thế	2367	666	2.700.000
44	Nguyễn Ngọc Huyền	600	333	766.500
45	Lê Thị Quý	1067	433	1.283.500
46	Nguyễn Văn Lai	667	266	800.000
47	Lê Hồng Hoàn	1300	433	1.516.500
48	Nguyễn Ngọc Thi	1300	333	1.466.500
49	Nguyễn văn tiến(hằng)	767	500	1.017.000
50	Trương Ngọc Dũng	1766	400	1.966.000
51	Lê Văn Tiến	1300	433	1.516.500
52	Nguyễn Văn Dân	1233	500	1.483.000

53	Nguyễn Đức Nam	2000	500	2.250.000
54	Trần Hữu Toàn	2166	600	2.466.000
55	Trần Thị Thanh (Khoa)	1300	433	1.516.500
56	Lê Hồng Hoa	2380	400	2.580.000
57	Phan Đình Dũng	3466	400	3.666.000
58	Trịnh Thị Hựu	1983	400	2.183.000
59	Nguyễn Văn Duẩn	1533	200	1.633.000
60	Lê Thị Đỏ	967	333	1.133.500
61	Nguyễn Văn Kỳ	967	333	1.133.500
62	Nguyễn Thị Hoa(Son)	1300	433	1.516.500
63	Nguyễn Thị Hưng	867	333	1.033.500
64	Lê Hồng Thiêm	1734	433	1.950.500
65	Trần Văn Hoàn	2000	600	2.300.000
66	Trần Thị Long	2217	433	2.433.500

67	Nguyễn Thị Hiếu	1400	500	1.650.000
68	Lê Hồng Nông	767	400	967.000
69	Nguyễn Tổng Nguyệt	1784	433	2.000.500
70	Lê Văn Xuân	867		867.000
71	Nguyễn Ngọc Hoan	1264	433	1.480.500
72	Trần Thị Minh(Ngọc)	649		649.000
73	Lê Văn Xờ	1367	433	1.583.500
74	Phan Thê Loan	1400	333	1.566.500
75	Nguyễn văn Long	1800	433	2.016.500
76	Nguyễn văn Ngà	2517	500	2.767.000
77	Đặng Văn Thành	1267	500	1.517.000
78	Trần Hữu Mông	1917	433	2.133.500
79	Nguyễn Văn tỷ	2267	500	2.517.000
80	Nguyễn Thị Sen	567	266	700.000

81	Nguyễn Văn Hoa	2100	500	2.350.000
82	Trần Thị Hựng	1633		1.633.000
83	Nguyễn Thị Miên	3000	500	3.250.000
84	Nguyễn Xuân Thắng	1233	500	1.483.000
85	Lê Thị Lan	917		917.000
86	Nguyễn Thị Luận	467		467.000
87	Nguyễn văn Biều	2133	500	2.383.000
88	Nguyễn văn Hùng(lan)	1500	333	1.666.500
89	Nguyễn Xuân Dũng	1567	500	1.817.000
90	Viên Quốc Tuấn	2766	700	3.116.000
91	Nguyễn Tông tý	1884	666	2.217.000
92	Nguyễn Ngọc Anh(vân)	801	266	934.000
93	Nguyễn Ngọc Toại	1867	0	1.867.000
94	Trần Văn Lộc	1933	400	2.133.000

95	Lê Hồng Bằng	933		933.000
96	Nguyễn Thị Hương	933		933.000
97	Trương Thị Xoan	933		933.000
98	Trương Ngọc Kế	867		867.000
99	Trịnh Ngọc Quyên	1400	333	1.566.500
100	Nguyễn Thị Nga	400		400.000
101	Trương Ngọc Chương	1867		1.867.000
102	Lê Hồng Thi	2800		2.800.000
103	Nguyễn văn Nghĩa	1432	433	1.648.500
104	Lê Hồng Nghiệu	1534	333	1.700.500
105	Nguyễn Thăng Long	2200	600	2.500.000
106	Trương Ngọc Thuyết	2533	500	2.783.000
107	Trương Ngọc Hoàn	2300	500	2.550.000
108	Nguyễn văn Chức	1534	333	1.700.500

109	Trương Ngọc Quân	1400		1.400.000
110	Trương Ngọc Đoàn	1867		1.867.000
111	Lê Hồng Hòa	1867		1.867.000
112	Lê Hồng Nguyên	1434	433	1.650.500
113	Trương Thị Hoa	1734	333	1.900.500
114	Nguyễn Thị Vinh	1533		1.533.000
115	Nguyễn văn Hòa(lan)	500		500.000
116	Nguyễn Thị Tựa	867		867.000
117	Trương Ngọc Tình	1200		1.200.000
118	Trịnh Ngọc Hoa	533		533.000
119	Nguyễn văn Thân	1267		1.267.000
120	Nguyễn Văn Xuyên	967	333	1.133.500
121	Lê Hồng Cường(loan)	1467	433	1.683.500
122	Trương Ngọc Phương	800		800.000

123	Trương Ngọc Hoàng	567		567.000
124	Nguyễn Xuân Tường	1067	333	1.233.500
125	Lê Hồng Nhật	517		517.000
126	Lê Hồng Ánh	1133		1.133.000
127	Trương Thị Ba	700	300	850.000
128	lê Hồng Hoan	1100		1.100.000
129	Lê Hồng Trường	517		517.000
130	Trần Thị Mỹ	650		650.000
131	Nguyễn văn Hùng (Nhưng)	900		900.000
132	Nguyễn Văn Tuấn	1167	333	1.333.500
133	Lê Hồng Tình	666	333	832.500
134	Nguyễn Văn Thuyết	1250		1.250.000
135	Nguyễn Văn dũng (hiền)	867		867.000
136	Nguyễn Xuân Toàn	934	266	1.067.000

137	Nguyễn Kim Cự	2900	1000	3.400.000
138	Nguyễn Hữu Coóc	2000	666	2.333.000
139	Nguyễn Xuân Thực	3500	1500	4.250.000
140	Nguyễn Xuân Khoa	2800	833	3.216.500
141	Nguyễn Xuân Phi	1767	500	2.017.000
142	Nguyễn văn TRIỂN	1500	500	1.750.000
143	Viên Quốc Hùng	1567	500	1.817.000
144	Lê Xuân Diệu	2100	633	2.416.500
145	Nguyễn Thị Mai	1000	333	1.166.500
146	Trần Văn Hoan	14000	500	14.250.000
147	Nguyễn văn Hoan	667	266	800.000
148	Nguyễn Văn Bảo	2567	666	2.900.000
149	Nguyễn Thị Tình	1400	500	1.650.000
150	Trương Ngọc Đô	2333	500	2.583.000

151	Nguyễn Thị Quyên	200	4400	2.400.000
152	Nguyễn văn Chương	2000	633	2.316.500
153	Nguyễn Văn Trung	1100	400	1.300.000
154	Nguyễn văn Hoan(thường)	1100	400	1.300.000
155	Hoàng Thị Bàng	1200	400	1.400.000
156	Nguyễn văn Thường	3233	1000	3.733.000
157	Lê Tư	433	333	599.500
158	Lê Cường	667	333	833.500
159	Lê Văn Dũng	2033	1000	2.533.000
160	Nguyễn Tiến Quý	934		934.000
161	Ngô Lai	1567	500	1.817.000
162	Ngô Văn Ngọc	1000	266	1.133.000
163	Trương Ngọc Bảo	1400	400	1.600.000
164	Nguyễn Thị Xuân	1167	266	1.300.000

165	Võ Quang Điền	1600	500	1.850.000
166	Võ Quang Hoàng	801	266	934.000
167	Võ Quang Lộc	2366	1000	2.866.000
168	Nguyễn Thị Quế	667	266	800.000
169	Võ Quang Linh	1400	433	1.616.500
170	Trương Ngọc Lý	1700	500	1.950.000
171	Lê Thị Cẩm	433	433	649.500
172	Trương Thị Cường	1600	433	1.816.500
173	Nguyễn Văn Lợi	1100	433	1.316.500
174	Nguyễn Thanh Hùng	1234	433	1.450.500
175	Nguyễn Văn Hải	1367	500	1.617.000
176	Nguyễn Xuân Hường	2000	933	2.466.500
177	Nguyễn Tiến Phụng	700	400	900.000
178	Nguyễn Tiến Điền	1000	433	1.216.500

179	Nguyễn Tiến Thao	1000	433	1.216.500
180	Lê Thị Cương	1100	400	1.300.000
181	Nguyễn Thị Hồng	1133	433	1.349.500
182	Nguyễn Văn Trung(thai)	1233	500	1.483.000
183	Nguyễn Xuân Hùng	2066	500	2.316.000
184	Nguyễn Xuân Hoan	1000	433	1.216.500
185	Nguyễn Xuân Hoàn	1033	433	1.249.500
186	Nguyễn Xuân Thế	1000	366	1.183.000
187	Nguyễn Xuân Thức	1000	366	1.183.000
188	Nguyễn Thị Kham	634	266	767.000
189	Nguyễn Thị Hoài	1866	500	2.116.000
190	Hoàng Thị Họa	933		933.000
191	Nguyễn Thị Thu	1700	333	1.866.500
192	Nguyễn Văn Khánh	1766	400	1.966.000

193	Nguyễn Hữu Vịnh	1300	400	1.500.000
194	Nguyễn Hữu Điện	2300	1000	2.800.000
195	Trương Ngọc Cát	1734	333	1.900.500
196	Trương Ngọc Học	1167	333	1.333.500
197	Nguyễn Thị Nhi	1267	300	1.417.000
198	Nguyễn Xuân Duyên	1200	433	1.416.500
199	Nguyễn Xuân Trường	1600	500	1.850.000
200	Nguyễn văn Thành	1967	833	2.383.500
201	Nguyễn Văn Sơn	1833	500	2.083.000
202	Nguyễn Hữu Hường	933		933.000
203	Nguyễn Hữu Nam	933		933.000
204	Nguyễn Hữu Thuận	1667	400	1.867.000
205	Nguyễn Thị Thủy (Dũng)	1766	500	2.016.000
206	Ngô Tương	1633	500	1.883.000

207	Trương NGọc Tuyết	1600	433	1.816.500
208	Hoàng Quang Lợi	1067	333	1.233.500
209	Hoàng Văn Hiền	600		600.000
210	Nguyễn Quang Trung	2166	500	2.416.000
211	Nguyễn Thị Tói	1500	433	1.716.500
212	Võ Thị Châu	1800	500	2.050.000
213	Nguyễn Hồng Mỹ	1200	500	1.450.000
214	Nguyễn Hữu Lan	1667	433	1.883.500
215	Nguyễn Thị Chương	933		933.000
216	Nguyễn Văn Hoàn	1434	433	1.650.500
217	Nguyễn Thị Phượng	400		400.000
218	Nguyễn Văn Phong	2832	1000	3.332.000
219	Bùi Ngọc Cúc	1933	633	2.249.500
220	Bùi Ngọc Thiệu	933		933.000

221	Bùi Ngọc Phong	1466		1.466.000
222	Nguyễn Thị Thành	1134	266	1.267.000
223	Lê Thị vân	2200	666	2.533.000
224	Nguyễn Thị Tư	1234	333	1.400.500
225	Bùi Thị Huyền	1400	333	1.566.500
226	Nguyễn Xuân Hải	1134	333	1.300.500
227	Nguyễn Thị Diễm	933		933.000
228	Nguyễn Thị Lan	2400	400	2.600.000
229	Nguyễn Văn Cồn	1034	333	1.200.500
230	Nguyễn văn Ba	1100	333	1.266.500
231	Nguyễn văn tiến	1334	333	1.500.500
232	Nguyễn Hữu Thống	433		433.000
233	Lê Văn Công	1500	500	1.750.000
234	Lê Văn Tuyền	1000	400	1.200.000

235	Nguyễn Thị Thục	934	266	1.067.000
236	Nguyễn Thị Thương	1500	433	1.716.500
237	Nguyễn Đức Trịnh	1300	500	1.550.000
238	TRịnh Ngọc Minh	1734	433	1.950.500
239	Nguyễn Thị Sửu	1467	400	1.667.000
240	Nguyễn Thị Thùy (Toàn)	2233	500	2.483.000
241	Nguyễn Văn Xờ	1100	433	1.316.500
242	Nguyễn Văn Phan	2266	600	2.566.000
243	Nguyễn Văn Tài	667	266	800.000
244	Lê Văn Khoa	1600	433	1.816.500
245	Nguyễn Thị Hảo (Đông)	1767	433	1.983.500
246	Nguyễn văn Thế	767		767.000
247	Nguyễn Văn Chân	1234	433	1.450.500
248	Nguyễn Hữu Hòa	1367		1.367.000

249	Nguyễn Xuân Thịnh	934	266	1.067.000
250	Nguyễn Văn Nga	1167	333	1.333.500
251	Nguyễn Văn Bằng	1167	433	1.383.500
252	Nguyễn Văn Chính	500		500.000
253	Võ Quang Thắng	533		533.000
254	Võ Quang Thanh	800		800.000
255	Nguyễn Xuân Dương	800	200	900.000
256	Nguyễn Thị Duyên	2500	6499	5.749.500
257	Nguyễn Thị Lâm	10000	3499	11.749.500
258	Nguyễn Thị Thúy	1500		1.500.000
259	Lê Thị Oanh	2000		2.000.000
260	Nguyễn Văn Hậu (Long)	1000		1.000.000
261	Nguyễn Thị Nga (Lâm)	1000		1.000.000
Tổng		385.010	104.184	437.102.000